

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CƠ THỂ ĐIỀU KỲ CỦA BÉ

Thời gian thực hiện: Từ ngày 30/9 -> 18/10/2024

Stt	ĐT	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	Ghi chú
			Chung	Riêng		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất						
1. Phát triển vận động						
a. Động tác phát triển nhóm cơ hô hấp						
1	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	Hô hấp: Thổi nơ ` Co và duỗi tay/từng tay 5T: Kết hợp kiễng chân. ` Nghiêng người	` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). ` Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	* Hoạt động học: Thể dục sáng: - Hô hấp: Thổi nơ - Tay: + Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). + Co và duỗi tay/từng tay 5T: Kết hợp kiễng chân.	
2	5	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	` Khụy gối	- Lung, bụng, lườn: + Nghiêng người sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Khụy gối Hoạt động học: - Thể dục: Tập các động tác	

					BTPTC	
3	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		` Đi lùi	* Hoạt động học: - Thể dục: 4T: Đi lùi 5T: Đi nổi bàn chân tiến, lùi	
4	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi nổi bàn chân tiến, lùi		` Đi nổi bàn chân tiến, lùi	* HĐC: + Đi lùi	
9	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò chui qua qua cổng - Bật (Liên tục về phía trước(4 T); Liên tục vào vòng(5T)	Bật (Liên tục về phía trước(4 T); Liên tục vào vòng(5T)	- Bò chui qua qua cổng	* Hoạt động học: - Thể dục: - 4t: Bò chui qua qua cổng - 5t: Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m	
10	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m - Bật Liên tục vào vòng(5T)		- Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m	- 4t: Bật liên tục về phía trước - 5t: Bật liên tục vào vòng * HĐC: + TCM: Bật qua suối nhỏ, + Chạy tiếp cò	
c. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng 1 số đồ dùng						
11	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi.... ` Gập giấy.		* Hoạt động chơi: - Chơi trò chơi ở các góc - Góc âm nhạc: + Vận động theo các bài hát trong chủ đề	
12	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ nắn.		- Góc tạo hình: + Chơi với các ngón tay, nặn	

		` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		bạn trai bạn gái...	
13	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người ` Cắt thành thạo theo đường thẳng. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	` Xé, cắt đường (4 tuổi: thẳng; 5 tuổi: vòng cung) ` Cài, cởi cúc ` Xâu, buộc dây		* Hoạt động ăn, ngủ, vs: + Giờ vệ sinh sau ngủ trưa: - Hướng dẫn trẻ tự cài, cởi cúc áo, quần và kéo khóa. Xâu buộc dây giày. Cài quai dép của mình.... - Chơi HĐ theo ý thích: + Trẻ thực hiện các vở học liệu: Tập tô, tạo hình
14	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Cắt được theo đường viền của hình vẽ. ` Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		` Tô, đồ theo nét - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn	

2) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

a. Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

15	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.	` Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng;)		* Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc: + Góc phân vai: Nấu ăn theo nhóm thực phẩm. - Chơi HĐ theo ý thích: + Xem video, tranh ảnh về 4 nhóm thực phẩm
16	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá..	` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		
17	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		* Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc:
18	5				

		rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		+ Góc phân vai: Nấu ăn theo nhóm thực phẩm. - Chơi HĐ theo ý thích: + Xem video, tranh ảnh về cách chế biến các món ăn.	
19	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	* Hoạt động chơi: - Hoạt động góc: + Góc phân vai: Nấu ăn * HĐ ăn, ngủ, vs: - Giờ ăn: Cô hỏi trẻ về các bữa ăn trong ngày và giáo dục trẻ biết được lợi ích của việc ăn uống đầy đủ chất sẽ giúp cho cơ thể được khoẻ mạnh, không bị suy dinh dưỡng, béo phì.....	
20	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
b. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt					
21	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	` Biết tự thay quần áo, khi bị ướt bẩn ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ vệ sinh: + Nhắc nhở trẻ tự biết thay quần áo khi bị ướt, bẩn + Giáo dục trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy	
22	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.		` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	

		-` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch			định.	
23	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài		- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: + Giờ ăn: Hướng dẫn trẻ Sử dụng ca, cốc, bát, thìa, đĩa, chén, bình rót nước...đúng cách...Không làm rơi vãi thức ăn, không làm tràn nước ra ngoài.	
24	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo				
25	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. ` Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn đầy đủ các chất để phòng chống covid 19.		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: + Nhắc trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Khi ăn không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn uống sạch sẽ, ăn thức ăn đã nấu chín, uống nước đã được đun sôi. + Ăn nhiều	
26	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức				

		ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường			loại thức ăn, ăn đầy đủ các chất để phòng chống covid 19.	
27	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định.	- ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.		. * Hoạt động chơi: * Hoạt động vệ sinh: - Giờ ăn: Nhắc trẻ biết vệ sinh răng miệng như; xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn. - Hoạt động lao động. - Nhắc nhở trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	Giữ đầu tóc quần áo gọn gàng, sạch sẽ.		

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng

40	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	` Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. ` Một số bộ phận trên cơ thể. ` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con người, cây với môi trường sống	* Hoạt động học: - KPKH: +Tìm hiểu một số giác quan và bộ phận khác của cơ thể bé - Chơi ngoài trời; + QS: Cây hoa cúc, hoa ngọc	
41		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để			

		quan sát, so sánh, dự đoán.		thảo, cây hoa cúc, cây ban, cau sữa.....	
42		Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		* HĐC: - Chơi HĐ theo ý thích: + Làm anbum về cơ thể bé. + Cho trẻ xem video về chức năng các bộ phận trên cơ thể bé.	
43		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.			
44		Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao ngày 20/10 lại là ngày của các bà mẹ?			
45	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.			
46		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới		* Hoạt động chơi: - Cho trẻ làm thử nghiệm. Gieo hạt/ trồng	

		nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	
47		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			
48		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát			

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

**** Nhận biết số đếm, số lượng***

81	4	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	* Hoạt động học: - Toán + Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ, so với bạn khác, so với một vật làm chuẩn (Phía phải, Phía trái) + Xác định vị trí đồ vật: Phía trên - Phía dưới; Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật làm chuẩn.	
82	5	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật	Xác định vị trí trong -ngoài của một vật so với vật khác. (cs108)	

			nào đó làm chuẩn			
C) Khám phá xã hội						
87	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (vị trí của trẻ trong gia đình 5T)	* Hoạt động chơi: - Chơi hoạt động theo ý thích: Trẻ giới thiệu tên tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình		
88		Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.				
101	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của Ngày 20/10,...	- Đặc điểm nổi bật của: Ngày hội 20/10,...	* HĐH: - KPXH: + Trò chuyện về ngày hội 20/10. * HĐC: - Chơi HĐ theo ý thích: Lễ hội 20/10.		
103	5	- Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD: Ngày 20/10 mẹ được tặng quà, con tặng quà cho cô giáo...				
II. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
1. Nghe hiểu lời nói						
107	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Tôi là ai, cơ thể tôi...	` Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Hoạt động chơi: + HĐ học. - Trẻ tìm hiểu về các bộ phận cơ thể của bé.		
108	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Tôi là ai, cơ thể tôi (Các bộ phận cơ thể...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.			
109	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	- Hoạt động chơi: + Chơi góc, ngoài trời: Trẻ biết đặt các câu hỏi như: Tại		
110	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.			

		của người đối thoại	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	sao đồ chơi này lại có màu đỏ... + Chơi góc nghệ thuật: Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi như bài thơ, rửa tay, ca dao, đồng dao, mười ngón tay	
--	--	---------------------	--	--	--

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

111	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	` Phát âm các tiếng 4T: có chứa các âm khó; 5T: có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)	` Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"; "Để làm gì?"	* Hoạt động học: + Giờ văn học: Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi theo yêu cầu + TCTV - Cái miệng, đôi mắt, cái mũi.....	
112	5	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...				
113	4	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được				
114	5	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.				` Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". ` Đặt các câu hỏi: "Tại sao?";

				"Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".		
115	4	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn câu, đơn ghép		* Hoạt động chơi: + Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video, trò chuyện về các bộ phận trên cơ thể trẻ và bày tỏ, tình cảm của mình như: Con sợ đau, con bị bạn cấu... + Giờ ăn, ngủ VS: - Giờ ăn: Khuyến khích trẻ nói nhu cầu của bản thân như: Con muốn đi vệ sinh, con muốn đi uống nước...	
116	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.			
119	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		* Hoạt động học: + Thơ: Rửa tay	
120	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.			* HĐC: - Chơi HĐ theo ý thích + Đồng dao: Thả đĩa ba ba...	
121		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..			+ Chơi, hoạt động theo ý thích trẻ đọc thơ Rửa tay	

122	4	Trẻ kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe (Theo trình tự 5 T)		* Hoạt động học: + Truyện: Giấc mơ kỳ lạ. * HĐC: - Chơi HĐ theo ý thích: + HướNG dẫn trẻ kể lại 1 vài tình tiết câu chuyện giấc mơ kì lạ - Hoạt động góc: góc học tập Trẻ kể chuyện giấc mơ kỳ lạ...	
123	5	Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định				
127	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	` Sử dụng các từ (4T: biểu thị sự lễ phép; 5T biểu cảm hình tượng)		* HĐC: - Chơi góc: + Trẻ biết cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống	
128	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; " Vâng"...phù hợp với tình huống.				
3. Làm quen với việc đọc viết						
131	4	Trẻ biết chọn sách để xem.	` Xem và đọc các loại sách khác nhau. ` Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + HướNG đọc, viết: Từ trái sang		- Hoạt động chơi: + Góc thư viện: HướNG dẫn trẻ xem và làm các loại sách khác nhau: truyện tranh, ảnh, làm am bưm về các bộ phận trên cơ	
132		Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")				
133	5	Trẻ biết chọn được				

		sách để "đọc" và xem.	phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu ` Giữ gìn Bảo vệ sách. ` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.		thẻ Giữ gìn, bảo vệ sách + Chơi HĐ theo ý thích: - Góc thư viện: Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. * HĐH: Làm quen chữ cái a, ă, â. Tập tô chữ cái, a, ă, â.	
134		Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.		Nhận dạng (4T: Một số chữ cái; 5T: Các chữ cái) ` Tập tô, tập đồ các nét chữ.		
135		Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	` "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.			
140	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...			- Hoạt động học: + LQCC: Làm quen chữ cái , ă, â - Hoạt động học: + Tập tô CC: Tập tô chữ cái a, ă, â.	
141	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
143	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Chăm sóc bảo vệ bản thân	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính	* HĐC: - Giờ đón, trả trẻ: Trẻ giới thiệu tên, tuổi, giới tính của	

144	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân		Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)	bản thân - Trò chơi: Bé giới thiệu giới	
145	4	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân		* Hoạt động chơi: - Chơi góc: + Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học + Nói được những điều bé thích, không thích, khả năng, vị trí của bản thân * Hoạt động: ` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	
146		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.				
147	5	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được				
148		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	* HĐC: - Chơi HĐ theo ý thích + Giáo dục giới tính cho trẻ và hướng dẫn trẻ phân biệt, điểm giống và khác nhau với bạn + Trẻ kể về các bộ phận trên cơ thể bé. Bạn trai thích đá bóng, bạn	

				gái thích nhảy dây....	
149	5	Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	* Hoạt động chơi: - Chơi góc: + Giáo dục trẻ về trách nhiệm của bản thân ở trong lớp học như giữ gìn vệ sinh lớp học, chơi xong phải cất đồ chơi đúng nơi quy định gọn gàng, đúng nơi quy định.	
150		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	* Hoạt động: ` Cho trẻ thực hành vệ sinh lớp học và lau dọn đồ chơi. (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	
151		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.			
153		- Trẻ biết được 1 số quyền cơ bản như: quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.	- Quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.	* Hoạt động chơi đón trả trẻ: - Trò chuyện cùng trẻ về một số quyền cơ bản của bản thân, quyền được sống và phát triển, quyền được tham gia.	
154		Trẻ biết được 1 số quyền cơ bản như: quyền được sống, quyền được phát			

		triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.			
156		- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (4 tuổi tranh ảnh; 5 tuổi tranh ảnh/ âm nhạc)		HDC: - Chơi HĐ theo ý thích: Cho trẻ xem, tranh ảnh về một số thao tác, cảm xúc (vui, buồn..) và cho trẻ thực hành thể hiện một số thao tác cảm xúc đó. - Trò chơi: Cảm xúc của bé về các bộ phận trên cơ thể.
157		- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			
160		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		` Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	* Hoạt động chơi đón trẻ trẻ. - Cô giáo dục trẻ biết ăn ủi, chia sẻ với bạn bè và người thân trong cuộc sống hằng ngày.
161	5	Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân(CS29)		` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	* Hoạt động chơi: Chơi hoạt động theo ý thích. - Cho trẻ tự chơi và trả lời theo khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.

166	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn.	` 4T: Chờ đến lượt (hợp tác 4T). ` Một số quy định ở lớp (và nơi công cộng 5 tuổi). (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/trật tự khi ăn, khi ngủ;	* Hoạt động chơi: - HĐG: Dạy trẻ và cho trẻ thực hành một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/trật tự khi ăn, khi ngủ.	
167	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
170	4	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	` Lắng nghe khi cô, bạn nói	* HĐh: + Nhắc trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	
171	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	` Lắng nghe ý kiến của người khác		
176	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.	*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh + Nhắc trẻ xếp hàng, rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh...	
177	5	Trẻ biết chờ đến lượt.			
5. Phát triển thẩm mỹ					
192	4	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu truyện	Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển	* Hoạt động học: - Âm nhạc: + Trẻ nghe và cảm nhận các bài hát: Năm ngón tay ngoan, cô giáo. * HĐC:	

193	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	- Chơi HĐ theo ý thích: + Nghe hát Năm ngón tay ngoan, trồng com,... + Các bài ca dao, đồng dao: Tay đẹp, thả đĩa ba ba;	
194	4	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.		* Hoạt động học: - Âm nhạc: + Dạy hát: Tay thơm, tay ngoan, + Biểu diễn âm nhạc * HĐC: + Góc âm nhạc. + Chơi, hoạt động theo ý thích	
195	5	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...				
196	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	` Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp (3T); tiết tấu		* Hoạt động học: - Âm nhạc: + DVD: Năm ngón tay ngoan, cô giáo; biểu diễn văn nghệ * HĐC: Góc âm nhạc + Nghe hát Năm ngón tay ngoan, trồng com,...	
197	5			` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		

			(4-5T).			
200	4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		* Hoạt động học: - Tạo hình: + Vẽ bạn trai, bạn gái * Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: Góc sáng tạo + Nặn chậu hoa tặng mẹ - Chơi hoạt động theo ý thích: + Cắt dán hoa tặng cô + Vẽ áo sơ mi. + Xé dán vòng tay. + Xếp hình hoa tua. + In hình bàn tay	
201		- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và				
203		dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục - Trẻ biết làm lồm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.				
204	5T	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục			
205		-Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối				
206	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.				

207	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.				
208	4	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng			* Hoạt động học: - Tạo hình: Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. * HĐC: + Hoạt động góc + Chơi, hoạt động theo ý thích	
209	5	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	` Nhận xét sản phẩm tạo hình; nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, (bố cục 5T)			
210		Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		` Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.		
211	4	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.		
213	4	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	* Hoạt động học: - Tạo hình: + Vẽ bạn trai, bạn gái + Nặn chậu hoa tặng mẹ * Hoạt động chơi:	
214	5					

				Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	+ Trẻ nói lên ý tưởng tạo hình của mình + Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	
215	4	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.		* Hoạt động học: - Tạo hình: + Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	
216	5					

KẾ HOẠCH TUẦN CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

Thời gian thực hiện: 3 tuần, từ ngày 30/9 -> 18/10/2024

Tuần \ Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần 1: Cơ thể tôi Từ 30 -> 04/10/2024	4T: Đi lùi 5T: Đi nói bàn chân tiến, lùi	Tìm hiểu một số giác quan và bộ phận khác của cơ thể bé	Thơ: Rửa tay	Vẽ bạn trai, bạn gái	DH: Tay thơm tay ngoan. NH: Năm ngón tay ngoan TC: Đoán tên bạn hát
	- TCTV: Bàn tay, vỗ tay, bàn chân.	- TCM: Đi lùi	Cái miệng, đôi mắt, cái mũi		
Tuần 2: Bé cần gì để khỏe mạnh Từ 7 -> 11/10/2024	Bật liên tục vào vòng.	Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	Toán: Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn	LQCC: a, ă, â	Kể chuyện cho trẻ nghe: Truyện: Giác mơ kỳ lạ

			(Phía phải, Phía trái)		
	- TCTV: Bạn trai, bạn gái, mái tóc.	- TCM: Chạy tiếp cờ	Khẩu trang, áo khoác, mũ len		
Tuần 3: Ngày hội của bà và mẹ Từ 14 -> 18/10/2024	- Bò chui cổng - Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5 m	Trò chuyện về ngày hội 20/10	Xác định vị trí đồ vật: Phía trên - Phía dưới; Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	Tập tô chữ cái: a, ă, â	Biểu diễn văn nghệ
	- TCTV: Thùng rác, hót rác, chổi.	- TCM: Bật qua suối nhỏ	Cái quần, cái áo, đôi dép		

Phê duyệt của BGH

Tổ trưởng

Người lập kế hoạch

Nguyễn Thị Hiền

Vũ Thị Phương

Sùng Thị Húa